

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HPT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HPT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HPT TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400910938

3. Ngày thành lập: 29/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ dân phố 1, Thị trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 091 2195856

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa, cây, cây cảnh, sinh vật cảnh; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); Bán buôn động vật sống	4620
2.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
3.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, sinh vật cảnh lưu động hoặc tại chợ	4789
4.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng các cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa	0129
5.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
6.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
7.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
8.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ đấu giá)	6820
9.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
10.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
11.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
12.	Sản xuất điện	3511

13.	Truyền tải và phân phối điện	3512
14.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
15.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh pin năng lượng mặt trời	4669
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, pin năng lượng mặt trời	4329
18.	Xây dựng công trình thủy	4291
19.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
20.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
21.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
22.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
23.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
24.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
25.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
26.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
27.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
28.	Sản xuất than cốc	1910
29.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
30.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
31.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
32.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
33.	Khai thác và thu gom than non	0520
34.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
35.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
36.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
37.	Bốc xếp hàng hóa	5224
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
39.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
40.	Thu gom rác thải độc hại	3812
41.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
42.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
43.	Tái chế phế liệu	3830
44.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
45.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
46.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
47.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

48.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu, khí đốt hoá lỏng, mỡ công nghiệp.	4661
49.	Quảng cáo	7310
50.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chuyển giao công nghệ, dây chuyền thiết bị.	7490
51.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp, chuẩn bị mặt bằng; Làm sạch mặt bằng xây dựng; Vận chuyển đất: đào, lấp, san và ủi tại các mặt bằng xây dựng, đào móng, vận chuyển đá, nổ mìn...; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự.	4312
52.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
54.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
55.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
57.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
58.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
59.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
60.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
61.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
62.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
63.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn.	5510
64.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
65.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
66.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
67.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
68.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Logistics; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
70.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo tin học, ngoại ngữ, gò hàn, tiện, điện, nước, thêu, may, chăm sóc cây cảnh, vật nuôi.	8559

71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu hàng hóa của công ty kinh doanh và sản xuất.	8299
72.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
73.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
74.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
75.	Xây dựng nhà để ở	4101
76.	Xây dựng nhà không để ở	4102
77.	Xây dựng công trình điện	4221
78.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
79.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
80.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
81.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
82.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng các khu dân cư; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
83.	Phá dỡ	4311

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐINH HỒNG PHONG	Tổ dân phố 1, Thị trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	510.000	51.000.000.000	51,000	120875247	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	510.000	51.000.000.000	51,000		
2	ĐOÀN VĂN NAM	Số 35/116 Cát Cụt, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	190.000	19.000.000.000	19,000	031081001008	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	190.000	19.000.000.000	19,000		

3	NGUYỄN VĂN TÁM	Số 55 Khu nhà ở 261 Trần Nguyên Hãn, Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	30.000.000.000	30,000	031072005599
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	30.000.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐOÀN VĂN NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/01/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031081001008

Ngày cấp: 03/12/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 35/116 Cát Cụt, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 35/116 Cát Cụt, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang